

Số: 1910/QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 06 tháng 6 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt "Chương trình Phát triển vùng huyện Thường Xuân
năm tài chính 2017" do tổ chức Tầm nhìn thế giới tài trợ

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ Phi chính phủ nước ngoài; căn cứ Nghị định số 12/2012/NĐ-CP, ngày 01/3/2012 của Chính phủ Về đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Thông báo ngày 07 tháng 11 năm 2016 của tổ chức Tầm nhìn thế giới về ngân sách cam kết tài trợ cho các chương trình, dự án của tổ chức Tầm nhìn Thế giới trong năm tài chính 2017;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Ngoại vụ tại Tờ trình số 10/TTr-SNgV ngày 03/4/2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình Phát triển vùng huyện Thường Xuân - năm tài chính 2017 do tổ chức Tầm nhìn thế giới tài trợ, với những nội dung chính sau:

1. Tên chương trình:

Chương trình Phát triển vùng huyện Thường Xuân - năm tài chính 2017.

2. Cơ quan thực hiện:

- Phía địa phương: UBND huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá.

- Phía nhà tài trợ: Tổ chức Tầm nhìn Thế giới tại Việt Nam.

3. Địa điểm thực hiện:

Tại 06 xã: Lương Sơn, Xuân Cẩm, Thọ Thanh, Xuân Cao, Luận Thành, Luận Khê thuộc huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá.

4. Nguồn tài trợ:

Tổ chức Tầm nhìn thế giới Hàn Quốc.

5. Mục tiêu của chương trình:

Cải thiện tình trạng an sinh cho trẻ em tại 6 xã dự án thuộc huyện Thường Xuân.

6. Các hoạt động chính của chương trình:

(Kế hoạch hoạt động và chi tiết kinh phí chương trình ban hành kèm theo Quyết định này).

7. Kinh phí chương trình năm tài chính 2017 do Tổ chức Tầm nhìn thế giới tài trợ: 479.920 USD *(Bốn trăm bảy mươi chín nghìn, chín trăm hai mươi đô la Mỹ).*

Điều 2. Vật tư, hàng hoá, nhập khẩu hoặc mua trong nước từ nguồn tiền viện trợ của dự án được miễn thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế VAT theo các Quy định hiện hành.

Điều 3.

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện Thường Xuân phối hợp với Tổ chức Tầm nhìn Thế giới phân công trách nhiệm các bên liên quan; chỉ đạo các phòng, ban liên quan của huyện và các xã dự án triển khai thực hiện chương trình; chỉ đạo các xã có dự án đóng góp kinh phí, vật tư đối ứng và công lao động tham gia dự án theo cam kết với tổ chức tài trợ; chịu trách nhiệm về quản lý chương trình trên địa bàn huyện; thực hiện các Quy định về quản lý và sử dụng viện trợ theo đúng Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ, đảm bảo kinh phí của dự án được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng theo kế hoạch đã được phê duyệt; định kỳ báo cáo việc thực hiện dự án lên UBND tỉnh và các cơ quan chức năng theo quy định hiện hành.

2. Giao các sở: Ngoại vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Công an tỉnh quản lý dự án theo chức năng nhiệm vụ được giao; đồng thời hỗ trợ Ban Quản lý chương trình huyện Thường Xuân thực hiện dự án theo quy định hiện hành.

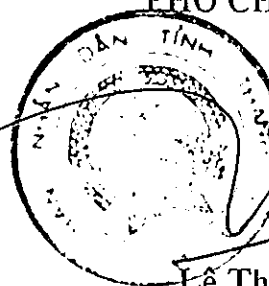
Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Ngoại vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giáo dục và Đào tạo, Y tế, Công an tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Thường Xuân, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- UB Công tác PCPNN (b/c)
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Tổ chức Tầm nhìn thế giới;
- Lưu: VT, CN, THKH.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Thị Thìn



KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM TÀI CHÍNH 2017
CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN VÙNG THƯỜNG XUÂN

(Kèm theo Quyết định số 1910/QĐ-UBND ngày 06/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Mã số	Mục tiêu	Chỉ số	Quý thực hiện	Chỉ tiêu 6 tháng	Chỉ tiêu cả năm	Ngân sách năm tài chính 2017
Dự án Phát triển sinh kế/ Nông nghiệp - V185625						
Mục tiêu dự án	Nâng cao thu nhập cho các hộ nghèo và cận nghèo trong vùng dự án hướng tới An sinh trẻ em	% cha mẹ và người chăm sóc trẻ có thể chu cấp đầy đủ cho trẻ		0.0%	0.0%	
		% tỷ lệ hộ nghèo trong các xã dự án giảm	Q4	0.0%	2.6%	
Kết quả 1.1	Nâng cao hiệu quả trong sản xuất lúa của các hộ nghèo và cận nghèo có trẻ	% hộ gia đình áp dụng mô hình sản xuất lúa bền vững hiệu quả	Q4	0.0%	10.0%	
		Năng suất lúa bình quân của 6 xã dự án	Q4	0.0%	0.1%	
Đầu ra 1.1.1	Cải thiện hệ thống thủy lợi	Số hệ thống thủy lợi nhỏ được hỗ trợ xây mới/nâng cấp bởi Chương trình Phát triển vùng (CTPTV)	Q2,4	3	5	
		Số diện tích (Hectare) được tưới thêm	Q2,4	17	28	
Hoạt động 1.1.1.2	Tập huấn quản lý và sử dụng các công trình thủy lợi (PIM) 30 học viên * 7\$/ngày*2 ngày=420 Văn phòng phẩm (VPP) hậu cần: 200\$/khóa Giảng viên 15\$/ngày *3 ngày = 45\$	Số Ban phát triển (BPT) thôn được tập huấn	Q4	0	10	665

Mã số	Mục tiêu	Chỉ số	Quý thực hiện	Chỉ tiêu 6 tháng	Chỉ tiêu cả năm	Ngân sách năm tài chính 2017
Hoạt động 1.1.1.3	Hỗ trợ Vật liệu xây dựng (VL XD)/nâng cấp các công trình thủy lợi nhỏ dựa vào kết quả khảo sát	Số công trình thủy lợi nhỏ được xây mới, nâng cấp	Q1,2	1	3	
Nhiệm vụ 1	Thôn 2 thị trấn Thanh, 200m nương	Số công trình thủy lợi nhỏ được xây mới, nâng cấp	Q1	1	1	2,500
Nhiệm vụ 2	Kênh thôn nhàn, Luận Khê 100m	Số công trình thủy lợi nhỏ được xây mới, nâng cấp	Q1	1	1	2,000
Nhiệm vụ 3	Kênh đồng Võ Phôm, thôn Chiềng xã Luận Khê 700m	Số công trình thủy lợi nhỏ được xây mới, nâng cấp	Q2	1	1	3,000
	Tổng cộng Đầu ra 1.1.1					8,165
Đầu ra 1.1.2	Nâng cao kỹ thuật và kỹ năng sản xuất lúa bền vững cho giảng viên nguồn (KNV) và nông dân	Số nông dân có kiến thức về sx lúa bền vững	Q1	200	400	
		Số KNV có kiến thức về sản xuất lúa bền vững	Q2,4	25	25	
Hoạt động 1.1.2.1	Tập huấn giảng viên nguồn (KNV) về kỹ thuật thâm canh lúa bền vững - 30 học viên * 7\$/ngày * 2 ngày = 420\$ - VPP, hậu cần: 200\$/khóa - Giảng viên: 15\$/ngày * 3 ngày = 45\$	Số người tham gia tập huấn TOT về kỹ thuật thâm canh lúa bền vững	Q1	30	30	665
Hoạt động 1.1.2.2	Tập huấn kỹ thuật thâm canh lúa bền vững cho người dân - 30 người/thôn * 4 thôn/xã 8 5 xã = 600 người/ 5 xã - Chi phí giảng viên: 20\$/ngày * 1 ngày/ 1 khóa * 10 lớp * 3 giai đoạn - Chi phí VPP, hậu cần: 25\$/khóa * 36 khóa = 750\$	Số người dân được tập huấn kỹ thuật thâm canh lúa bền vững	Q1,2, 3	600	600	1,350
Hoạt động 1.1.2.3	Hỗ trợ hộ nghèo vật tư đầu vào để áp dụng các kiến thức tập huấn					

Mã số	Mục tiêu	Chỉ số	Quý thực hiện	Chỉ tiêu 6 tháng	Chỉ tiêu cả năm	Ngân sách năm tài chính 2017
Nhiệm vụ 1	Hỗ trợ chế phẩm EMIC cho các hộ áp dụng kiến thức sản xuất phân hữu cơ vi sinh vững đã học: '- 100 hộ/xã * 6 xã * 1.3\$/hộ * 1 lần = 780\$	Số hộ nghèo có trẻ nhận hỗ trợ	Q 1	600		780
Hoạt động 1.1.2.4	Hỗ trợ hộ nghèo triển khai mô hình ngô đông xen canh lạc cho xã Thọ Thanh, Luận Thành và Luận Khê					
Nhiệm vụ 1	Tập huấn kiến thức trồng ngô đông xen canh lạc '- 8 khóa tập huấn tại 3 xã * 30 người/khóa - Chi phí giảng viên+trợ giảng:20\$/ngày * 1 ngày/khóa* 8 khóa =160\$ - Chi phí VPP, hậu cần:30\$/khóa * 8 khóa = 240\$	Số người dân tham gia tập huấn	Q1	240	240	400
Nhiệm vụ 2	Hỗ trợ đầu vào cho các hộ dân nghèo thực hiện mô hình '- 180 hộ nghèo * 12\$/hộ = 2.160\$	Số hộ nghèo được hỗ trợ đầu vào	Q1	180	180	2,160
	Tổng cộng Đầu ra 1.1.2					5,355
	Tổng cộng Kết quả 1.1					13,520
Kết quả 1.2	Tăng thu nhập cho các hộ nghèo dựa vào các sản phẩm tiềm năng được lựa chọn thông qua mô hình chuỗi giá trị và khởi sự sản xuất kinh doanh nhỏ.	Số % hộ gia đình mục tiêu tăng thu nhập từ các hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả hàng năm		0	5%	
Đầu ra 1.2.1	Tăng cường kiến thức và kỹ năng chăn nuôi các sản phẩm phù hợp theo hướng tiếp cận chuỗi giá trị	Số nông dân có kiến thức về chăn nuôi hiệu quả		90	180	
Hoạt động 1.2.1.2	Hỗ trợ kỹ thuật (tập huấn, tham quan, tư vấn tại hộ...) cho các hoạt động chăn nuôi dựa vào kết quả phân tích chuỗi giá trị cho các hộ nông dân (bao gồm các khách hàng của MFU)					

Mã số	Mục tiêu	Chỉ số	Quý thực hiện	Chỉ tiêu 6 tháng	Chỉ tiêu cả năm	Ngân sách năm tài chính 2017
Nhiệm vụ 1	Tập huấn về kỹ thuật chăn nuôi gà cho các hộ dân nghèo được hỗ trợ gà và các hộ dân khác: 4 thôn/xã * 1 khóa/thôn * 6 xã = 24 khóa - hi phí giảng viên + trợ giảng: 20\$/ngày * 1 ngày/khóa * 24 = 480\$ - Chi phí VPP, hậu cần: 25\$/khóa * 24 khóa = 600\$	Số người dân tham gia tập huấn	Q 2, 3	180	360	1,080
Nhiệm vụ 2	Tập huấn về kỹ thuật chăn nuôi lợn cho các hộ dân nghèo được hỗ trợ lợn và các hộ dân khác: 2 thôn/xã * 1 khóa/thôn * 6 xã = 12 khóa - hi phí giảng viên + trợ giảng: 20\$/ngày * 1 ngày/khóa * 12 khóa = 240\$ - Chi phí VPP, hậu cần: 30\$/khóa * 12 khóa = 360\$	Số người dân tham gia tập huấn	Q3, 4	180	180	600
Hoạt động 1.2.1.2	Hỗ trợ vật tư đầu vào cho các nhóm hộ nghèo áp dụng kiến thức đã được tập huấn (theo hướng tiếp cận thông qua các tổ/nhóm)					
Nhiệm vụ 1	Hỗ trợ gà ri lai cho các hộ nghèo/hộ có trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (HCĐBKK)	Số hộ có trẻ có HCĐBKK/ngheo có trẻ nhận hỗ trợ	Q2,3	150	300	10,500
Nhiệm vụ 2	Hỗ trợ lợn sinh sản cho các hộ nghèo/hộ có trẻ có HCĐBKK (theo hướng tiếp cận tổ nhóm)	Số hộ có trẻ có HCĐBKK/ngheo có trẻ nhận hỗ trợ	Q3,4	0	60	9,600
	Tổng cộng Đầu ra 1.2.1					21,780
Đầu ra 1.2.2	Năng lực của mạng lưới thú y cấp xã và thôn bản được nâng cao (Kiến thức và kỹ năng)	Số thú y Thôn, Xã có kiến thức cơ bản về thú y	Q2	25	50	
Hoạt động 1.2.2.1	Tập huấn giảng viên nguồn kiến thức thú y - chăn nuôi cho mạng lưới thú y xã, thôn - 60 học viên * 7\$/ngày * 2 ngày = 840\$ - VPP, hậu cần: 400\$/khóa - Giảng viên: 15\$/ngày * 4 ngày = 60\$	Số thú y viên thôn, xã tham gia tập huấn TOT	Q1	60	60	1,300

Mã số	Mục tiêu	Chỉ số	Quý thực hiện	Chỉ tiêu 6 tháng	Chỉ tiêu cả năm	Ngân sách năm tài chính 2017
Hoạt động 1.2.2.2	Tập huấn Thù y thôn/xã kiến thức/kỹ năng về thú y bao gồm cả công tác giám sát dịch bệnh cho người dân					
Nhiệm vụ 1	Tập huấn về kỹ thuật thú y cho các hộ dân nghèo được hỗ trợ gà và các hộ dân khác: 4 thôn/xã * 1 khóa/2thôn* 6 xã = 12 khóa - hi phí giảng viên+trợ giảng: 20\$/ngày* ngày/khóa* 12 = 240\$ - Chi phí VPP, hậu cần: 30\$/khóa * 12 khóa = 360\$	Số người dân tham gia tập huấn	Q2,3	180	360	600
Nhiệm vụ 2	Tập huấn về kỹ thuật thú y cho các hộ dân nghèo được hỗ trợ lợn và các hộ dân khác: 2 thôn/xã * 1 khóa/thôn* 6 xã = 6 khóa - hi phí giảng viên+trợ giảng: 20\$/ngày * 1 ngày/khóa* 6 khóa= 120\$ - Chi phí VPP, hậu cần: 30\$/khóa * 6 khóa = 180\$	Số người dân tham gia tập huấn	Q2,3	90	180	300
Hoạt động 1.2.2.3	Hỗ trợ thú y xã, thôn giám sát, quản lý hoạt động của các mô hình chăn nuôi - 360 hộ * 0.5\$/hộ/lần * 2 lần/ quý * 3 quý = 648\$	Số hộ gia đình được giám sát/hỗ trợ các hoạt động chăn nuôi	Q1-4	360	360	1,080
	Tổng cộng Đầu ra 1.2.2					3,280
Đầu ra 1.2.3	Tăng cường kiến thức và kỹ năng cho CTV/ nhóm hỗ trợ phát triển kinh doanh thị trường và người dân về kinh doanh thị trường	Số người đã được tập huấn có kiến thức và kỹ năng về kinh doanh thị trường		0	25	
Hoạt động 1.2.3.1	Thành lập nhóm phát triển kinh doanh thị trường (cho nông dân)	Số nhóm phát triển kinh doanh thị trường được thành lập	Q1	2	2	

Mã số	Mục tiêu	Chỉ số	Quý thực hiện	Chỉ tiêu 6 tháng	Chỉ tiêu cả năm	Ngân sách năm tài chính 2017
Hoạt động 1.2.3.2	Tập huấn về kiến thức kinh doanh thị trường cho nhóm hỗ trợ phát triển kinh doanh thị trường làm giảng viên nguồn: 1055\$/khóa (2 khóa) - 30 học viên * 7\$/ngày * 3 ngày = 630\$ - VPP, hậu cần: 200\$/khóa - Giảng viên: 50\$/ngày * 4.5 ngày = 225\$	Số thành viên nhóm hỗ trợ phát triển kinh doanh thị trường tham gia tập huấn TOT tại huyện	Q2,3	30	30	2,110
Hoạt động 1.2.3.3	Tập huấn về kiến thức kinh doanh thị trường cho người dân (bao gồm các khách hàng của MFU): Tổng cộng: 62\$/khóa (1 ngày/khóa) - 20 người/khóa * 6 khóa/6 xã=120 người - VPP hậu cần: 50\$/khóa - Giảng viên: 12\$/khóa * 6 khóa	Số người dân được tập huấn	Q3,4	60	120	372
Hoạt động 1.2.3.4	Hỗ trợ đầu vào dựa trên đề xuất của các nhóm để khởi sự việc sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp và phi nông nghiệp					
Nhiệm vụ 1	Hỗ trợ đầu vào nông nghiệp	Số nhóm được hỗ trợ đầu vào nông nghiệp	Q3,4	0	5	5,000
Nhiệm vụ 2	Hỗ trợ đầu vào phi nông nghiệp cho các hộ dân thuộc nhóm sở thích để khởi sự kinh doanh	Số nhóm được hỗ trợ đầu vào phi nông nghiệp	Q3,4	0	1	1,000
						8,482
	Tổng cộng Đầu ra 1.2.3					33,542
	Tổng cộng Kết quả 1.2					47,062
Tổng ngân sách cho hoạt động						24,859
Chi phí vận hành						10,719
Chi phí gián tiếp						82,720
Tổng ngân sách dự án Nông nghiệp						
Dự án Giáo dục - V185624						

Mã số	Mục tiêu	Chỉ số	Quý thực hiện	Chỉ tiêu 6 tháng	Chỉ tiêu cả năm	Ngân sách năm tài chính 2017
Mục tiêu dự án	Cải thiện chất lượng giáo dục và kỹ năng sống cho trẻ trong vùng dự án	Tỷ lệ trẻ đọc hiểu thiết thực ở độ tuổi 11	Q4	0	2%	
Kết quả 2.1	Nâng cao tiếp cận và cải thiện chất lượng chăm sóc phát triển cho trẻ dưới 5 tuổi	% giáo viên áp dụng phương pháp dạy học lấy trẻ làm trung tâm theo chương trình giáo dục mầm non mới	Q4	0	2%	
Đầu ra 2.1.1	Nâng cao kiến thức và kỹ năng chăm sóc phát triển trẻ cho phụ huynh (PH), giáo viên (GV)	số người được tập huấn có kiến thức về phương pháp dạy học (PPDH) lấy học sinh (HS) làm trung tâm	Q4	0	30	
		số Ban Giáo viên-phụ huynh hoạt động hiệu quả	Q4	0	0	
Hoạt động 2.1.1.1	Tập huấn cho GV về các chủ đề chăm sóc phát triển trẻ Mầm non & PPDH lấy HS làm trung tâm : 820\$ (ăn và đi lại: 6.5\$/người/ ngày *2 ngày/khóa *5 người/trường*6 trường* = 390\$; tư vấn: 50\$/ngày/người *2 người*2 ngày = 200\$; hậu cần = 100\$)	Số GV được tập huấn	Q 3,4	0	30	\$820
Hoạt động 2.1.1.2	(Tổ chức hội thi gia đình dinh dưỡng trẻ thơ, bé khỏe bé ngoan cho bé + phụ huynh +GV để thực hành kỹ năng dạy học lấy trẻ làm trung tâm (600\$/ trường *6 trường = 3.600\$)	Số hội thi được tổ chức	Q 2	6	6	\$3,600
Hoạt động 2.1.1.4	Hỗ trợ Ban GV-PH để tổ chức các buổi sinh hoạt nhóm PH về các chủ đề chăm sóc phát triển trẻ Mầm non PPDH lấy HS làm trung tâm (2 lần/năm/ban * 6 ban *100\$/ban = 1.200\$)					

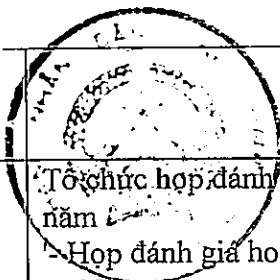
Mã số	Mục tiêu	Chỉ số	Quý thực hiện	Chỉ tiêu 6 tháng	Chỉ tiêu cả năm	Ngân sách năm tài chính 2017
Nhiệm vụ 1	Hỗ trợ Ban GV-PH để tổ chức các buổi sinh hoạt nhóm PH về các chủ đề chăm sóc phát triển trẻ Mầm non PPDH lấy HS làm trung tâm (2 lần/năm/ban * 6 ban * 100\$/ban = 1.200\$)	Số buổi sinh hoạt được tổ chức	Q 2, 4	6	12	\$1,200
	Tổng cộng Đầu ra 2.1.1					\$5,620
Đầu ra 2.1.2	Cải thiện điều kiện học tập tại các trường Mầm non	Số trường khu lẻ được trang bị cơ sở vật chất cơ bản để triển khai Chương trình giáo dục (GD) Mầm non mới	Q2	3	3	
Hoạt động 2.1.2.1	Hỗ trợ nguyên vật liệu làm bếp ăn bán trú cho trường mầm non (MN) Xuân Cẩm (khu Tiến Sơn - 3000\$)	Số trường MN được hỗ trợ	Quý 1,2	1	1	\$3,000
Hoạt động 2.1.2.2	Hỗ trợ trang thiết bị, đồ chơi trong nhà và ngoài trời (sập ngủ bằng gỗ cho bé tại trường MN Xuân Cao và Luận Thành) (20 cái/trường * 2 trường * 30\$/cái = 1.200\$)	Số trường MN được hỗ trợ	Quý 1	2	2	\$1,200
	Tổng cộng Đầu ra 2.1.2					\$4,200
Đầu ra 2.1.3.1	Cải thiện khả năng tiếp cận trường học cho trẻ dưới 3 tuổi (bao gồm cả trẻ có hoàn cảnh đặc biệt)	số trẻ dưới 3 tuổi ra lớp	Q4	0		
Hoạt động 2.1.3.1	Hỗ trợ ăn bán trú cho trẻ có hoàn cảnh đặc biệt dưới 3 tuổi. 42 trẻ/trường * 6 trường * 4\$/trẻ/tháng * 8 tháng = 8064\$	Số lượt trẻ <3 tuổi có hoàn cảnh khó khăn được hỗ trợ	Quý 1, 2, 3	252	252	\$8,064
	Tổng cộng Đầu ra 2.1.3					\$8,064
	Tổng cộng Kết quả 2.1					\$17,884
Kết quả 2.2	Nâng cao chất lượng Giáo dục cho trẻ Tiểu học	% giáo viên tiểu học áp dụng phương pháp dạy học tích cực (PPHDTTC) ở mức độ thành thạo	Q4	0	3.00%	

Mã số				Mục tiêu	Chỉ số	Quý thực hiện	Chỉ tiêu 6 tháng	Chỉ tiêu cả năm	Ngân sách năm tài chính 2017
					Tỷ lệ học sinh lớp 5 đạt kết quả học tập loại khá và giỏi	Q4	0	2.00%	
Đầu ra: 2.2.1				Nâng cao nhận thức của PH về các vấn đề giáo dục trẻ tại gia đình và nhà trường	số Ban PH-GV hoạt động hiệu quả	Q2,4	0	0	
Hoạt động 2.2.1.1				Tập huấn cho Ban PH-GV về các chủ đề:					
Nhiệm vụ 1				Tập huấn cho ban chủ nhiệm 6 câu lạc bộ (CLB) đọc sách thôn bản mới thành lập cách thức tổ chức 1 buổi đọc sách, quyền trẻ em & sự tham gia của trẻ. Mỗi CLB 5 người*6 CLB = 30 người : 560\$ (ăn và đi lại: 30 người* 6.5\$/người/ngày*2 ngày = 390\$; hậu cần, văn phòng phẩm: 150\$; tư vấn: 10\$/ ngày*2 ngày = 20\$)	Số thành viên ban chủ nhiệm CLB đọc sách thôn được tập huấn	Quý 3	0	30	\$560
Nhiệm vụ 2				Tập huấn cho ban chủ nhiệm 17 CLB đọc sách thôn bản đã thành lập trước năm tài chính 2017 (FY17) về các kỹ năng, giá trị sống cơ bản cho trẻ tiểu học. Mỗi CLB 5 người*17 CLB = 85 - 90 người : 1.680\$ (ăn và đi lại: 30 người* 6.5\$/người/ngày*2 ngày/khóa *3 khóa = 1.170\$; hậu cần, văn phòng phẩm: 150\$/khóa*3 khóa = 450\$; tư vấn: 10\$/ngày * 6 ngày = 60\$)	Số thành viên ban chủ nhiệm CLB đọc sách thôn được tập huấn	Quý 1, 2, 3	60	90	\$3,360
Hoạt động 2.2.1.2				Tổ chức sinh hoạt nhóm PH về các chủ đề: Vai trò của gia đình trong việc giáo dục trẻ/bảo vệ trẻ em/ Cách thiết lập góc học tập, thời gian biểu cho trẻ tại nhà/ Kỹ năng điều hành, duy trì nhóm đọc sách thôn bản, thực hiện các sáng kiến phục vụ CLB đọc sách thôn bản					

Mã số	Mục tiêu	Chỉ số	Quý thực hiện	Chỉ tiêu 6 tháng	Chỉ tiêu cả năm	Ngân sách năm tài chính 2017
Nhiệm vụ 1	Tổ chức sinh hoạt ban PH-GV tiểu học hàng quý: 2.160\$ (ăn và đi lại: 23CLB* 5 người/CLB *5\$/người*3 quý = 1.125\$. Hậu cần: 15\$/CLB/quý *23CLB*3 quý = 1.035\$)	Số buổi sinh hoạt ban PH-GV được tổ chức hàng quý	Quý 1,2,3,4	6	18	\$2,160
Nhiệm vụ 2	Tổ chức hội thảo tổng kết cấp huyện cuối năm tài chính 2017 về mô hình ban PH-GV & CLB đọc sách thôn bản : 1.365\$(ăn và đi lại: 115 người*7\$/người/ngày = 805\$; Quà tặng các thành viên tiêu biểu: 2 người/CLB*23 CLB*10\$/người = 460\$; hậu cần = 100\$)	Số sự kiện cấp huyện được tổ chức	quý 4	0	1	\$1,365
Hoạt động 2.2.1.3	Tổ chức hoạt động của CLB đọc sách Thôn bản tại 6 xã trong dự án					
Nhiệm vụ 1	Tổ chức các buổi đọc sách cho trẻ tại 23 CLB đọc sách : 11.040\$ (vpp + đồ ăn giữa giờ: 10\$/buổi sinh hoạt (SH)/CLB *23 CLB*2 buổi/ tháng *12 tháng = 5.520\$; ban chủ nhiệm làm công tác hỗ trợ, tổ chức: 115 người*2\$/người/buổi sh *2 lần sh/tháng *12 tháng = 5.520	Số buổi sinh hoạt được tổ chức	Quý I, 2, 3,4	204	480	\$11,040
Nhiệm vụ 2	Thành lập thêm 6 CLB đọc sách thôn bản mới (250\$/club*6 club = 1.500\$)	Số CLB đọc sách mới được thành lập	Quý 3	0	6	\$1,500
Nhiệm vụ 3	Chi phí mua sách báo, đồ dùng cho các CLB đọc sách (23CLB* 200\$/club = 4.600\$)	Số CLB được hỗ trợ	Quý 3	0	23	\$4,600
Nhiệm vụ 4	Tổ chức hoạt động hè nhằm tăng cường kỹ năng sống và sự tham gia của trẻ tại các CLB đọc sách (600\$/sự kiện*6 sự kiện = 3.600\$)	Số sự kiện được tổ chức cho trẻ	Quý 3,4	0	6	\$3,600
	Tổng cộng Đầu ra 2.2.1					\$28,185

Mã số	Mục tiêu	Chỉ số	Quý thực hiện	Chỉ tiêu 6 tháng	Chỉ tiêu cả năm	Ngân sách năm tài chính 2017
Đầu ra 2.2.2	Cải thiện môi trường học tập cho trẻ Tiểu Học	số trường được trang bị cơ sở vật chất cơ bản hướng tới đạt tiêu chuẩn trường học thân thiện	Q4	0	1	
Hoạt động 2.2.2.2	Hỗ trợ trang thiết bị xây dựng thư viện thân thiện					
Nhiệm vụ 1	Cải tạo thư viện thân thiện trường TH Xuân Cẩm: 2.000\$ (Vẽ tranh tường trang trí, mua sách, bảng biểu, tập huấn nhóm trẻ....)	Số trường được hỗ trợ cải thiện thư viện thân thiện	Quý 2, 3	0	1	\$2,000
Nhiệm vụ 2	Tổ chức ngày hội đọc sách cho 2 trường xây dựng thư viện thân thiện (800\$/trường*2 trường = 1600\$)	Số ngày hội đọc sách được tổ chức	Quý 3	0	2	\$1,600
Hoạt động 2.2.2.3	Tổ chức khảo sát tỷ lệ trẻ đọc hiểu thiết thực 70\$/trường * 10 trường = 700\$	Số trường TH được khảo sát FLAT	Q 3	0	10	\$700
	Tổng cộng Đầu ra 2.2.2					\$4,300
	Tổng cộng Kết quả 2.2					32,485
Kết Quả 2.3	Cải thiện nguồn lực và bồi cảnh sống-học tập và làm việc cho trẻ 12-18 tuổi	Tỷ lệ trẻ cảm thấy được trao quyền trong cộng đồng		0	0	
Đầu ra 2.3.1	Tăng cường sự tham gia của trẻ có HCĐBKK thông qua các câu lạc bộ trẻ em	số CLB trẻ em từ 12- 15 tuổi (bao gồm cả trẻ có HCĐBKK) vận hành hiệu quả.	Q4	0	5	
Hoạt động 2.3.1.1	Tập huấn về kỹ năng huy động sự tham gia của trẻ/làm việc với trẻ/quyền trẻ em, kỹ năng (KN) làm việc với trẻ...cho CTV/TNV = 644 (ăn và đi lại: 7\$/người/ ngày *2 ngày * 6 người/xã *6 xã= 504\$; tư vấn: 10\$/người/ngày*2 người *2 ngày = 40\$; hậu cần = 100\$)	Số người được tập huấn	Q2	36	36	\$664

Mã số	Mục tiêu	Chỉ số	Quý thực hiện	Chỉ tiêu 6 tháng	Chỉ tiêu cả năm	Ngân sách năm tài chính 2017
Hoạt động 2.3.1.2	Hỗ trợ sáng kiến do trẻ khởi xướng (trẻ từ thiết kế, thực hiện và giám sát dự án với rất ít sự hỗ trợ từ người lớn)					
Nhiệm vụ 1	Tập huấn viết sáng kiến nhỏ cho tình nguyện viên (TNV), cộng tác viên (CTV) hỗ trợ các CLB trẻ (ăn và đi lại: 7\$/người/ ngày *3 ngày * 6 người/xã *6 xã= 756\$; tư vấn: 10\$/người/ngày*2 người *3ngày =60\$; hậu cần = 200\$)	Số người được tập huấn	Q ,2,3,4	36	36	\$1,016
Nhiệm vụ 2	Tập huấn cho nhóm trẻ nòng cốt về viết dự án nhỏ = 560\$ (giảng viên: 10\$/người/ngày * 2 người/clb *1 ngày* 8 clb =160\$; hậu cần : 50\$/clb *8 clb = 400\$)	Số trẻ được tham gia tập huấn	Q 2,3,4	240	240	\$560
Nhiệm vụ 3	Hỗ trợ thực hiện dự án nhỏ do trẻ clb khởi xướng (500\$/dự án *4 dự án= 2000\$)	Số dự án nhỏ do trẻ khởi xướng được thực hiện	Q3,4	2	4	\$2,000
Hoạt động 2.3.1.3	Hỗ trợ CLB trẻ em tổ chức các hoạt động quan tâm cho Cộng đồng/ diễn đàn trẻ em (về các vấn đề Vệ sinh môi trường/ giúp đỡ người khuyết tật) (8 CLB*500\$/CLB = 4.000\$)	Số sự kiện được tổ chức bởi trẻ	Q 1,2,3,4	8	8	\$4,000
Hoạt động 2.3.1.4	Hỗ trợ các CLB vận hành					
Nhiệm vụ 1	Hỗ trợ các CLB sinh hoạt hàng tháng: (30\$/tháng/ CLB *9tháng*8 CLB = 2160\$)	Số buổi sinh hoạt của CLB được tổ chức hàng tháng	Q 1,2,3,4	48	72	\$2,160

Mã số	Mục tiêu	Chỉ số	Quý thực hiện	Chỉ tiêu 6 tháng	Chỉ tiêu cả năm	Ngân sách năm tài chính 2017
Nhiệm vụ 2	 Tổ chức họp đánh giá hoạt động của CLB hàng năm - Họp đánh giá hoạt động của CLB tại huyện: 500\$ - 64 người * 7\$/người/ngày * 1 ngày = 448\$ - VPP và hậu cần: 300\$ - Quà tặng cho CLB: 30\$ CLB * 8 CLB = 240\$	Số người tham gia hội thảo	Q 4	0	30	\$988
	Tổng cộng Đầu ra 2.3.1					\$11,388
Đầu ra 2.3.2	Cải thiện môi trường học tập-vui chơi an toàn cho trẻ trong trường học	số số trường trong các xã mục tiêu có môi trường học tập - vui chơi được cải thiện	Q4	0	1	
Hoạt động 2.3.2.2	Hỗ trợ trang thiết bị xây dựng thư viện thân thiện					
Nhiệm vụ 2	Cải tạo thư viện trường THCS Lương Sơn 1.000\$ (trang trí, bảng biểu, sách vở ...)	Số thư viện cải tạo	Q 1	1	1	\$1,000
	Tổng cộng Đầu ra 2.3.2					\$1,000
Đầu ra 2.3.3	Nâng cao kỹ năng sống và định hướng nghề cho trẻ có hoàn cảnh đặc biệt ở độ tuổi từ 12-18 trong và ngoài học đường	số trẻ (bao gồm trẻ có hoàn cảnh đặc biệt) có kiến thức cơ bản về kỹ năng sống và được định hướng nghề nghiệp	Q2,4	150	450	
		số trẻ (bao gồm trẻ có hoàn cảnh đặc biệt) có kiến thức cơ bản về định hướng nghề nghiệp	Q2,4	800	1600	
Hoạt động 2.3.3.1	Tổ chức Hội thảo cho GV, PH, Trẻ trong độ tuổi 12-18 về định hướng nghề nghiệp tại 6 trường THCS và 2 trường THPT (400\$/ trường * 6 trường (2 trường THPT và 4 trường THCS) = 2400\$)	Số người tham gia hội thảo	Q 2,3	1000	2000	\$2,400

Mã số	Mục tiêu	Chỉ số	Quý thực hiện	Chỉ tiêu 6 tháng	Chỉ tiêu cả năm	Ngân sách năm tài chính 2017
Hoạt động 2.3.3.2	Tập huấn cho giảng viên nguồn (GV, PH, CTY) về giáo dục kỹ năng sống cho trẻ trong độ tuổi từ 12-18 tuổi (1.396\$) (ăn và đi lại: 6.5\$/người/ngày * 2 ngày/khóa * 2 khóa * 36 người = 936\$; giảng viên: 15\$/người/ ngày * 4 ngày = 60\$; hậu cần = 200\$/khóa * 2 khóa = 400\$)	Số người được tập huấn	Q 1,3	36	72	\$1,396
Hoạt động 2.3.3.3	Tập huấn cho trẻ từ 12-18 tuổi về KNS (lồng ghép với CMS2,4)					
Nhiệm vụ 1	Tập huấn kỹ năng sống (KNS) cho trẻ là thành viên CLB trẻ tại 8 trường: 1- 100\$/khóa * 8 khóa = 800\$	Số trẻ 12-18 tuổi được tập huấn	Q 1,2	240	240	\$800
Hoạt động 2.3.3.4	Tổ chức các hoạt động để trẻ được thực hành kỹ năng sống (Các sự kiện truyền thông/hội thi/giao lưu ngoại khóa/hoạt động tình nguyện...) Tổ chức trong hè (500\$/ sự kiện*6 sự kiện = 3.000\$)	Số sự kiện được tổ chức	Q4	0	6	\$3,000
	Tổng cộng Đầu ra 2.3.3					\$7,596
	Tổng cộng Kết quả 2.3					19,984
Tổng ngân sách cho hoạt động						70,353
Chi phí vận hành						22,740
Chi phí gián tiếp						14,037
Tổng ngân sách dự án Giáo dục						107,130
Dự án Y tế - V185627						
Mục tiêu dự án	Cải thiện tình trạng sức khỏe cho trẻ em	Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (SDD) thể thấp còi	Q4	0	-0.10%	
		Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi SDD thể nhẹ cân	Q4	0	-2.00%	

Mã số	Mục tiêu	Chỉ số	Quý thực hiện	Chỉ tiêu 6 tháng	Chỉ tiêu cả năm	Ngân sách năm tài chính 2017
Kết quả 3.1	Cải thiện tình trạng dinh dưỡng cho trẻ dưới 5 tuổi	% trẻ được bú sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu	Q4	0	5%	
		% trẻ được sử dụng 4 nhóm thức ăn trong 24 giờ qua	Q4	0	5%	
Đầu ra 3.1.1	Kiến thức và kỹ năng chăm sóc dinh dưỡng Bà mẹ trẻ em (BMTE) của bà mẹ và người chăm sóc trẻ được cải thiện	số người được tập huấn có kiến thức và kỹ năng cơ bản về chăm sóc dinh dưỡng BMTE	Q2,4	250	500	
Hoạt động 3.1.1.1	Tập huấn/ truyền thông cho cộng tác viên/Y tế cơ sở về chăm sóc dinh dưỡng BMTE		Q3			
Nhiệm vụ 1	Tập huấn kiến thức dinh dưỡng và kỹ thuật cân đo trẻ dưới 5 tuổi - Người tham gia: 130 người * 6.5\$/ 1 người/ 1 ngày = \$845 - Chi phí giảng viên: 14\$/ngày * 3 ngày= 42\$ - Chi phí VPP, hậu cần: 75\$/khóa * 3 khóa = 225\$	số CTV/ Y tế thôn bản được tập huấn	Q3	0	130	1,113
Nhiệm vụ 2	Triển khai cân đo trẻ dưới 5 tuổi vùng dự án- Hỗ trợ chi phí cân, đo 108 người * 4.5\$ = 486\$- Chi phí giám sát cấp huyện và xã: 23 người * 5\$/ 1 ngày * 3 ngày giám sát= 345\$- Chi phí in mẫu giám sát và thu thập thông tin: 9\$	số Trẻ dưới 5 tuổi được cân đo	Q3	0	2700	840
Hoạt động 3.1.1.2	Truyền thông cho phụ nữ mang thai, bà mẹ có con dưới 5 tuổi và người chăm sóc trẻ về chăm sóc dinh dưỡng BMTE - Số hội thi 1* 1000\$/ 1 hội thi = 1000\$	số Số người chăm sóc trẻ được truyền thông	Q1	1	1	1,000
Hoạt động 3.1.1.3	Hỗ trợ hoạt động của các CLB Sức khỏe bà mẹ trẻ em					

Mã số	Mục tiêu	Chỉ số	Quý thực hiện	Chỉ tiêu 6 tháng	Chỉ tiêu cả năm	Ngân sách năm tài chính 2017
Nhiệm vụ 1	Thành lập CLB dinh dưỡng mới 5 CLB * 600\$/ 1 CLB thành lập mới = 3000\$	số Số CLB thành lập mới	Q1-2	5	5	3,000
Nhiệm vụ 2	Hỗ trợ điều kiện sinh hoạt cho CLB mới thành lập. Tủ, bếp ga mini, máy xay sinh tố... - Số CLB 5 * 250\$/ 1 CLB = 1250\$	số CLB được hỗ trợ cải thiện điều kiện thực hành	Q3	-	5	1,250
Nhiệm vụ 3	Tập huấn Quản lý và điều hành CLB mới thành lập - Người tham gia: 35 người * 6.5\$/ 1 người/ 2 ngày = \$455 - Chi phí giảng viên: 14\$/ngày * 2 ngày = 28\$ - Chi phí VPP, hậu cần: 75\$/khóa * 1 khóa = 75\$	số Được tập huấn có kiến thức cơ bản về quản lý và điều hành CLB	Q3	-	35	558
Hoạt động 3.1.1.4	Hỗ trợ CLB trình diễn bữa ăn dinh dưỡng - Số CLB 53 * 15\$/ 1 CLB 3 tháng/ 1 lần = 4,770\$	số CLB được hỗ trợ điều kiện thực hành cơ bản	Q1-4	26	53	4,770
Hoạt động 3.1.1.5	Hỗ trợ triển khai mô hình PD/HEARTH					0
Nhiệm vụ 1	Tập huấn giới thiệu mô hình PD Hearth - Người tham gia: 35 người * 6.5\$/ 1 người/ 2 ngày = \$455 - Chi phí giảng viên: 14\$/ngày * 2 ngày = 28\$ - Chi phí VPP, hậu cần: 75\$/khóa * 1 khóa = 75\$	số Người có kiến thức về mô hình PD/Hearth	Q1	35	35	558
Nhiệm vụ 2	Hỗ trợ thực hiện điểm phục hồi dinh dưỡng - Chi phí thực phẩm: 0,5\$/ 1 trẻ * 15 ngày/ 1 đợt* 240 trẻ*3 lần = 5400\$ - Chi phí giám sát: 1.3\$/ 1 người * 12 người * 15 ngày/1 đợt *3 lần= 912\$	số Sơ trẻ được phục hồi dinh dưỡng	Q1-4	120	240	6,312
	Tổng cộng Đầu ra 3.1.1					19,401

Mã số				Mục tiêu	Chỉ số	Quý thực hiện	Chỉ tiêu 6 tháng	Chỉ tiêu cả năm	Ngân sách năm tài chính 2017
				Tổng cộng Kết quả 3.1					19,401
Kết quả 3.2				Thực hành phòng chống tai nạn thương tích trẻ em (PCTNTTTE) của trẻ và người chăm sóc trẻ trong cộng đồng được cải thiện	% cha mẹ hoặc người chăm sóc trẻ cho rằng cộng đồng an toàn đối với trẻ		0	0	
Đầu ra 3.2.1				Kiến thức và kỹ năng PCTNTTTE của trẻ và người chăm sóc trẻ được cải thiện	số người chăm sóc trẻ có Kiến thức cơ bản về PCTNTTTE	Q2,4	50	100	
				-	số trẻ có kiến thức cơ bản về PCTNTT	Q2,4	100	200	
Hoạt động 3.2.1.1				Tập huấn kiến thức và kỹ năng truyền thông PCTNTTTE cho cán bộ y tế cơ sở, thành viên Ban phát triển thôn và giáo viên về kiến thức phòng chống tái nạn thương tích - Người tham gia: 162 người 40 người/ lớp * 2 ngày/ lớp x 4 lớp * 6.5\$/ 1 người/ 1 ngày = \$2080 - Chi phí giảng viên: 14\$/ngày * 2 ngày* 4 lớp = 112\$ - Chi phí VPP, hậu cần: 75\$/lớp * 4 lớp * 2 ngày = 600\$	số Người được tập huấn về kiến thức cơ bản về TNTT	Q2	160	160	2,792
Hoạt động 3.2.1.2				Truyền thông (Truyền thông, Hội thi, diễn tập, in tài liệu, pano...) cho trẻ và người cs trẻ về kiến thức phòng chống tai nạn thương tích					
Nhiệm vụ 1				Tổ chức hội thi tìm hiểu kiến thức về phòng tránh tai nạn Thương tích cấp xã Số hội thi 2 * 1000\$/ 1 hội thi = 4000\$ (Luận Khê và Xuân Cẩm)	số Sự kiện được triển khai	Q3	2	2	2,000

Mã số	Mục tiêu	Chỉ số	Quý thực hiện	Chỉ tiêu 6 tháng	Chỉ tiêu cả năm	Ngân sách năm tài chính 2017
Nhiệm vụ 2	Tổ chức dạy học bơi cho trẻ sinh sống gần vùng có nguy cơ cao về tai nạn đuối nước 06 lớp (15 ngày/ 1 lớp) \$1000/ 1 lớp = \$6000 (tại Luận Thành và Luận Khê)	Số trẻ có kỹ năng bơi tốt	Q3-4	0	150	6,000
	Tổng cộng Đầu ra 3.2.1					10,792
Đầu ra 3.2.2	Môi trường sống an toàn cho trẻ được cải thiện	số xã có môi trường sống an toàn cho trẻ được cải thiện		0	0	
Hoạt động 3.2.2.1	Hỗ trợ thực hiện mô hình thí điểm "ngôi nhà an toàn" và "cộng đồng an toàn"					
Nhiệm vụ 1	Tập huấn giới thiệu và định hướng triển khai mô hình - Người tham gia: 35 người * 6.5\$/ 1 người/ 2 ngày = \$455 - Chi phí giảng viên: 14\$/ngày * 2 ngày = 28\$ - Chi phí VPP, hậu cần: 75\$/khóa * 1 khóa = 75\$	số Số người tham gia	Q2	35	35	558
Nhiệm vụ 2	Tổ chức hoạt động truyền thông cấp xã- Chi phí tổ chức, 5 thôn * 100\$/ 1 thôn = 500\$- Chi phí văn phòng phẩm và tài liệu: 5 thôn * 100\$/ 1 thôn = 500\$	số Số sự kiện truyền thông được triển khai	Q2	5	5	1,000
Nhiệm vụ 3	Mua phần thưởng khuyến khích động viên hộ thực hiện tốt mô hình - 50 hộ * 23\$/ 1 hộ = 1150\$	số Số hộ thực hiện tốt mô hình	Q3	-	50	1,150
Hoạt động 3.2.2.2	Hỗ trợ thực hiện mô hình thí điểm trường học an toàn					

Mã số	Mục tiêu	Chỉ số	Quý thực hiện	Chỉ tiêu 6 tháng	Chỉ tiêu cả năm	Ngân sách năm tài chính 2017
Nhiệm vụ 1	Tập huấn giới thiệu và định hướng triển khai mô hình... - Người tham gia: 35 người * 6.5\$/ 1 người/ 2 ngày = \$455 - Chi phí giảng viên: 14\$/ngày * 2 ngày = 28\$ - Chi phí VPP, hậu cần: 75\$/khóa * 1 khóa = 75\$	số Số người tham gia	Q2	35	35	558
Nhiệm vụ 2	Hội thi tìm hiểu kiến thức về một ngôi trường an toàn cho trẻ tại Trường TH Xuân Cẩm và TH Thọ Thanh '- 800\$/ 1 trường * 2 trường = 1600\$	số Sự kiện được triển khai	Q3	0	2	1,600
Nhiệm vụ 3	Hỗ trợ cải tạo nguy cơ gây tai nạn thương tích tại trường học '- 2 trường * 1938.5\$/ 1 trường = 3877\$	số Trường được cải tạo và loại bỏ các nguy cơ gây TNTT	Q3	0	2	3,877
	Tổng cộng Đầu ra 3.2.2					8,743
	Tổng cộng Kết quả 3.2					19,535
Kết quả 3.3	Giảm tỷ lệ trẻ mắc các bệnh truyền nhiễm	Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị nhiễm khuẩn hô hấp cấp được mang tới cơ sở khám chữa bệnh phù hợp		0	0	
		Tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi bị mắc tiêu chảy được chữa trị đúng cách		0	0	
Đầu ra 3.3.1	Nâng cao kiến thức và kỹ năng thực hành cho người dân và trẻ em về Nước sạch (NS) và Vệ sinh môi trường	số người dân có kiến thức và kỹ năng thực hành cơ bản về NS và Vệ sinh môi trường	Q2,4	250	500	
		số Trẻ em (trong các trường học) có kiến thức và kỹ năng thực hành cơ bản về NS và Vệ sinh môi trường	Q2,4	150	300	

Mã số	Mục tiêu	Chỉ số	Quý thực hiện	Chỉ tiêu 6 tháng	Chỉ tiêu cả năm	Ngân sách năm tài chính 2017
Hoạt động 3.3.1.1	Tập huấn cho mạng lưới cộng tác viên về Vệ sinh tổng thể do cộng đồng làm chủ (CLTS): Kích hoạt và Hậu kích hoạt - Người tham gia: 35 người * 6.5\$/ 1 người/ 3 ngày = \$683 - Chi phí giảng viên: 14\$/ngày * 3 ngày = 42\$ - Chi phí VPP, hậu cần: 75\$/khóa * 1 khóa = 75\$	số Người tham gia tập huấn	Q1	35	35	800
Hoạt động 3.3.1.2	Truyền thông về kiến thức và kỹ năng thực hành về NS và VSMT cho người dân trong các thôn thông qua mô hình CLTS					
Nhiệm vụ 1	Truyền thông về kiến thức và kỹ năng thực hành về NS và VSMT cho người dân trong các thôn thông qua mô hình CLTS 162\$/ 1 thôn * 27 thôn tại 6 xã dự án có vấn đề nổi cộm về VSMT	số thôn thực hiện kích hoạt	Q1-4	10	17	4353
Nhiệm vụ 2	Mua phần thưởng khuyến khích động viên hộ thực hiện tốt mô hình - 150 hộ * 10\$/ 1 hộ = 1500\$	số Hộ thực hiện tốt mô hình	Q4	-	150	1,500
Hoạt động 3.3.1.3	Thực hiện các hoạt động Hậu kích hoạt (CLTS) trong các thôn và nhóm hộ gia đình về nhu cầu nước sạch và vệ sinh môi trường.					
Nhiệm vụ 1	Tập huấn hướng dẫn kỹ thuật làm nhà vệ sinh hợp vệ sinh - Người tham gia: 35 người * 6.5\$/ 1 người/ 2 ngày = 455\$ - Chi phí giảng viên: 14\$/ngày * 3 ngày = 28\$ - Chi phí VPP, hậu cần: 75\$/khóa * 1 khóa = 75\$	số Người tham gia tập huấn	Q1	35	35	558

Mã số	Mục tiêu	Chỉ số	Quý thực hiện	Chỉ tiêu 6 tháng	Chỉ tiêu cả năm	Ngân sách năm tài chính 2017
Nhiệm vụ 2	Hoạt động kiểm tra chéo giữa các xã về việc áp dụng mô hình. 500\$/ 1 lần * 1 tháng/ 1 lần * 6 tháng (Tháng 4-9) = 3000\$	số Hộ được kiểm tra, giám sát hỗ trợ kịp thời	Q3-4	0	1800	3,000
Nhiệm vụ 3	Hội thao chia sẻ về thực hiện mô hình cấp xã 250\$/ 1 xã * 6 xã = 1500\$	số Người dân tham gia hội thảo	Q4	-	210	1,500
Hoạt động 3.3.1.4	Tập huấn cho mạng lưới Giáo viên về Thay đổi hành vi vệ sinh có sự tham gia của trẻ (CHAST) - Người tham gia: 35 người * 6.5\$/ 1 người/ 5 ngày = \$1,138 - Chi phí giảng viên: 14\$/ngày * 5 ngày = 70\$ - Chi phí VPP, hậu cần: 75\$/khóa * 1 khóa = 75\$	số Người tham gia tập huấn	Q2	35	35	1,283
Hoạt động 3.3.1.5	Truyền thông về nhu cầu nước sạch và vệ sinh cho trẻ em tại trường học (thông qua mô hình CHAST) 500\$/ 1 trường * 10 trường = 5,000\$ (Quà cho các đội thi, chi phí văn phòng phẩm, hậu cần)	số Sự kiện tổ chức	Q3	0	10	5,000
Hoạt động 3.3.1.6	Triển khai thực hiện mô hình HWTS					
Nhiệm vụ 1	Tập huấn giới thiệu mô hình HWTS (xử lý và dự trữ nước an toàn cấp hộ gia đình)Người tham gia: 35 người * 6.5\$/ 1 người/ 5 ngày = \$1,138- Chi phí giảng viên: 14\$/ngày * 5 ngày = 70\$- Chi phí VPP, hậu cần: 75\$/khóa * 1 khóa = 75\$	Số người được tập huấn	Q1	35	35	1,138
Nhiệm vụ 2	Tập huấn TOT về xây dựng mô hình bể lọc nước hộ gia đình Người tham gia: 35 người * 6.5\$/ 1 người/ 5 ngày = \$1,138 - Chi phí giảng viên: 14\$/ngày * 5 ngày = 70\$ - Chi phí VPP, hậu cần: 75\$/khóa * 1 khóa =	Số người được tập huấn	Q2	35	35	1,138

Mã số	Mục tiêu	Chỉ số	Quý thực hiện	Chỉ tiêu 6 tháng	Chỉ tiêu cả năm	Ngân sách năm tài chính 2017
	75\$					
Nhiệm vụ 3	Truyền thông tại cộng đồng về mô hình HWTS và hội thảo đáng giá rút kinh nghiệm - Chi phí tổ chức, 4 thôn * 100\$/ 1 thôn = 400\$ - Chi phí văn phòng phẩm và tài liệu: 4 thôn * 100\$/ 1 thôn = 400\$	số Số sự kiện được triển khai	Q2-Q3	2	4	800
	Tổng cộng Đầu ra 3.3.1					21,070
Đầu ra 3.3.2	Cải thiện điều kiện, tiếp cận nước sạch và vệ sinh môi trường thông qua các sáng kiến cộng đồng	số trường/nơi công cộng có nguồn nước cải thiện được hỗ trợ bởi CTPTV	Q2,4	2	4	
		số trường/nơi công cộng có NVS được cải thiện bởi sự hỗ trợ của CTPTV	Q2,4	2	4	
Hoạt động 3.3.2.1	Hỗ trợ các công trình nước sạch, vệ sinh tại trường học	số công trình vệ sinh tại trường học được hỗ trợ	Q2	1	1	3,000
Hoạt động 3.3.2.2	Hỗ trợ các công trình nước sạch, vệ sinh các điểm công cộng thôn thông qua các sáng kiến cộng đồng					
Nhiệm vụ 1	Hỗ trợ thùng rác di động. Nhằm truyền thông về phân loại và xử lý rác cho học sinh tại trường học. - 16 trường * 3 thùng/ 1 trường * 40\$/ 1 thùng = 1,920	số Trường được nhận hỗ trợ	Q2	0	16	1,920
Nhiệm vụ 2	Xây dựng lò đốt rác thải sinh hoạt tại trường TH& THCS Thọ Thanh, Xuân Cao, Luận Thành và Luận Khê 11 trường * 755.4/ 1 trường = 3.777\$	số Số trường được nhận hỗ trợ	Q1	5	5	3,777

Mã số				Mục tiêu	Chỉ số	Quý thực hiện	Chỉ tiêu 6 tháng	Chỉ tiêu cả năm	Ngân sách năm tài chính 2017
				Tổng cộng Đầu ra 3.3.2					8,697
				Tổng cộng Kết quả 3.3					29,767
Tổng ngân sách cho hoạt động									68,703
Chi phí vận hành									22,765
Chi phí gián tiếp									13,797
Tổng ngân sách dự án Y tế									105,265
Dự án Xây dựng năng lực V185626									
Mục tiêu dự án	Nâng cao chất lượng quản lý chương trình hướng đến đảm bảo an sinh bền vững cho trẻ em				% đóng góp từ địa phương	Q4	0	7.00%	
					% Ban PT đề xuất, thực hiện và quản lý các sáng kiến hướng tới ASTE	Q4	0.0%	10.0%	
Kết quả 4.1	Nâng cao hiệu quả về quản lý Chương trình cho đối tác địa phương (BQL CT PTV huyện, xã, VDB, CTV)				% Thành viên BQLDA xã/BPTT/cộng tác viên thôn có khả năng hướng dẫn các sự kiện Giám sát-đánh giá CT/DA, sự kiện NCNL	Q4	0	5%	
Đầu ra 4.1.1	Nâng cao chất lượng các việc chia sẻ và phản hồi thông tin giữa các bên liên quan (BQLDA xã-huyện, BPTT)				số buổi họp chia sẻ phản hồi thông tin, được tổ chức hiệu quả	Q2,4	10	20	
Hoạt động 4.1.1.1	Tập huấn xây dựng vai trò trách nhiệm, cơ chế báo cáo giám sát của các bên (BQLDA xã, BPTT) (30 người* 6.5\$/ngày* 2 ngày) + (VPP hậu cần, phí tư vấn: 200\$) / khóa. Tổng cộng: 590 \$.				Số người tham gia tập huấn	Q1	30	30	590

Mã số	Mục tiêu	Chỉ số	Quý thực hiện	Chỉ tiêu 6 tháng	Chỉ tiêu cả năm	Ngân sách năm tài chính 2017
Hoạt động 4.1.1.2	Tổ chức họp định kỳ phản hồi thông tin ở cấp xã và huyện. - Hợp giao ban huyện: - Hợp tổng kết năm tài chính 2017 cấp Huyện: - Hợp giao ban xã:	Số Cuộc họp phản hồi ở cấp xã, huyện được tổ chức	Q1-Q4			
Nhiệm vụ 1	Hợp giao ban huyện: 280\$/cuộc họp * 2= 560\$.	Số cuộc họp phản hồi ở cấp huyện được tổ chức	Q1-Q3	1	2	560
Nhiệm vụ 2	Hợp tổng kết năm tài chính 2017 cấp Huyện: (65 người * 6.5\$=422,5\$; VPP hậu cần: 70\$; Quà tặng cá nhân/tập thể có đóng góp cho hđ dự án năm trước: 15\$*65/người). tổng : 975\$.	Số cuộc họp tổng kết được tổ chức	Q1	0	1	975
Nhiệm vụ 3	Hợp giao ban xã: 6 cuộc họp/ xã x 110\$/ cuộc x 6 xã = 3.960 \$.	Số cuộc họp phản hồi ở cấp xã được tổ chức	Q1-Q4	18	36	3,960
Hoạt động 4.1.1.3	BQL CT PTV phối hợp cùng ADP kiểm tra giám sát tiến độ thực hiện chương trình theo định kỳ:	Số mô hình/tổ nhóm được giám sát bởi BQL xã - huyện	Q1-Q4	5	11	550
						6,635
Đầu ra 4.1.2	Tổng cộng Đầu ra 4.1.1					
	Nâng cao kiến thức, kỹ năng quản lý dự án cho đối tác (BQLDA xã, BPTT) hướng tới an sinh trẻ em	số người có kiến thức và kỹ năng về quản lý dự án hướng tới ASTE sau khi tập huấn	Q2,4	30	60	
Hoạt động 4.1.2.1	Tập huấn về kiến thức về an sinh trẻ em (QTE, sự tham gia của trẻ, CSBVTE, luật hôn nhân gia đình và các chủ đề xuyên suốt của TNTG) cho ban phát triển thôn bản, cho các CLBDD.	Số người có kiến thức về QTE, Luật hôn nhân gia đình, BVTE				

Mã số	Mục tiêu	Chỉ số	Quý thực hiện	Chỉ tiêu 6 tháng	Chỉ tiêu cả năm	Ngân sách năm tài chính 2017
Nhiệm vụ 1	Tập huấn về kiến thức về an sinh trẻ em (QTE, sự tham gia của trẻ, CSBVTE, luật hôn nhân gia đình và các chủ đề xuyên suốt của TNTG) cho ban phát triển thôn bản (VDB) 6 xã : (285 người* 4,1\$/ngày* 2 ngày / khóa =2.337\$) + VPP hậu cần và phí tư vấn: 100\$ / khóa * 6 khóa). Tổng cộng: 2.337 \$ + 600\$ = 2937 \$.	Số được tập huấn về QTEE, Luật hôn nhân gia đình, BVTE, CSBVTE	Q2-3	151	285	2,937
Nhiệm vụ 2	Tập huấn về kiến thức về an sinh trẻ em (QTE, sự tham gia của trẻ, CSBVTE, luật hôn nhân gia đình và các chủ đề xuyên suốt của TNTG) cho các CLBDD. (36 người* 6,5\$/ngày* 2 ngày + VPP hậu cần, phí tư vấn: =468+ 180\$ / khóa. 3 khóa. Tổng cộng: 1.944 \$.	Số người được tập huấn về an sinh trẻ em và các chủ đề xuyên suốt	Q1-3	72	108	1,944
Hoạt động 4.1.2.2	Tổ chức lập kế hoạch hàng năm có sự tham gia của người dân					
Nhiệm vụ 1	Tập huấn công cụ PLA cho các thành viên thuộc VDBs. (30 người * 6,5\$/ngày* 2 ngày = 390\$ + VPP hậu cần, phí tư vấn: 180\$ / khóa. Tổng cộng: 570 \$.	Số người được tham gia tập huấn về công cụ PLA	Q3	0	30	570
Nhiệm vụ 2	Tổ chức các cuộc họp theo từng mảng cấp huyện: nông nghiệp (NN), Y tế (YT), giáo dục (GD), bảo vệ trẻ em (BVTE). (60 người * 6,5\$/ngày* 1 ngày = 390 \$	Số người tham gia hội thảo	Q3	0	60	390
Nhiệm vụ 3	Tổ chức tham vấn tại các thôn bản - Hỗ trợ VDB: 54 VDBs x 11\$ = 594\$. - VPP hậu cần : 324\$. Tổng cộng: 918\$	số người dân tham gia lập kế hoạch năm tài chính	Q3	0	1080	918
Nhiệm vụ 4	Họp triển khai kế hoạch tại 6 xã (150 người * 3,2\$/ngày* 1 ngày: Tổng cộng:	Số người tham gia cuộc họp tại xã	Q3	-	150	480

Mã số	Mục tiêu	Chỉ số	Quý thực hiện	Chỉ tiêu 6 tháng	Chỉ tiêu cả năm	Ngân sách năm tài chính 2017
	480\$.					
Nhiệm vụ 5	Họp tổng hợp kết quả tại 6 xã. (Ăn uống và đi lại tất cả thành viên ở 6 xã: (150 người * 3,2\$/ngày* 1 ngày: Tổng cộng: 480\$.	Số người tham gia cuộc họp tại xã	Q3	-	150	480
	Tổng cộng Đầu ra 4.1.2					7,719
Đầu ra 4.1.3	Nâng cao kiến thức và kỹ năng về phòng ngừa giảm nhẹ rủi ro thiên tai (PNGNRRTT) cho cộng đồng	số Thôn có kế hoạch PNGNRRTT và phương tiện PNGNTT tại chỗ				
		số Người có kiến thức về PNGNRRTT	Q2,4	150	300	
Hoạt 4.1.3.1	Tập huấn kiến thức cho BQLDA, Trường học, thôn bản về PNGNRRTT					
Nhiệm vụ 1	Tập huấn cho GV các trường (tiểu học, THCS) về PNGNRRTT tại trường. (Sử dụng 6 bộ tài liệu về PNGNRRTT). (25 người x 2 ngày x 4,1\$ = 205\$, VPP hậu cần: 100\$)/ khóa. Tổng cộng: 7 khóa x 305\$ = 2.135\$	Số giáo viên được tập huấn	Q1-Q2	175	175	2,135
Nhiệm vụ 2	Tập huấn cho học sinh các trường về PNGNRRTT (tiểu học, THCS) 80\$ * 8 trường = 640\$	Số học sinh được tham gia tập huấn	Q1-Q2	120	240	640
Hoạt 4.1.3.5	Hội thi Rung chuông vàng/ kịch/ vẽ tranh hùng biện về chủ đề PNGNRRTT tại các trường. 9 hội thi x 500\$ = 4500 \$	Số trường tổ chức được các hội thi về PNGNRRTT	Q1-3	7	9	4,500
Hoạt 4.1.3.6	Hỗ trợ áo phao cho các trẻ em MVC 6 xã nhằm giảm nhẹ rủi ro thiên tai tại đèo nước. (50 trẻ *6 xã =300 trẻ *3.3\$/trẻ =990 \$. Tổng cộng 990\$	Số trẻ em MVC được hỗ trợ áo phao	Q3	0	300	990

Mã số				Mục tiêu	Chỉ số	Quý thực hiện	Chỉ tiêu 6 tháng	Chỉ tiêu cả năm	Ngân sách năm tài chính 2017
				Tổng cộng Đầu ra 4.1.3					8,265
				Tổng cộng Kết quả 4.1					22,619
Kết quả 4.2				Nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ nhóm (BPTT, CLB, BPH...) dựa vào cộng đồng hướng tới an sinh trẻ em	% Ban PTT thôn/các tổ nhóm dựa vào cộng đồng hoạt động hiệu quả	Q4	0	10%	
Đầu ra 4.2.1				Nâng cao năng lực điều hành và quản lý nhóm cho lãnh đạo các tổ nhóm dựa vào cộng đồng	số thành viên Ban PTT, CTV, lãnh đạo tổ nhóm có kiến thức cơ bản và kỹ năng quản lý nhóm	Q2,4	70	140	
Hoạt động 4.2.1.4				Tập huấn các kỹ năng cơ bản (Kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng quan sát...) cho các thành viên thuộc CLBDD và VDBs	Số thành viên các câu lạc bộ có kiến thức và kỹ năng				
Nhiệm vụ 1				Tập huấn các kỹ năng cơ bản (Kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng quan sát...) cho các thành viên thuộc câu lạc bộ dinh dưỡng (CLBDD) (108 người* 6.5\$/người* 3 ngày) + (VPP hậu cần: 180\$) /khóa. Tổng cộng: 2.646 \$.	Số thành viên các câu lạc bộ có kiến thức và kỹ năng	Q1 - Q3	0	108	2,646
Nhiệm vụ 2				Tập huấn các kỹ năng cơ bản (Kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng quan sát...) cho các thành viên thuộc VDBs.(30 người* 6.5\$/người* 3 ngày) + (VPP hậu cần: 180\$) : 180\$) /khóa. Tổng cộng: 665\$.	Số thành viên các câu lạc bộ có kiến thức và kỹ năng	Q1 - Q3	0	30	665
				Tổng cộng Đầu ra 4.2.1					3,311
Đầu ra 4.2.2				Nâng cao kiến thức và kỹ năng về huy động sự tham gia của cộng đồng cho lãnh đạo các tổ nhóm dựa vào cộng đồng	số lãnh đạo các tổ nhóm cộng đồng (CBOs) có kiến thức về phát triển cộng đồng, huy động tham gia cộng đồng	Q2	30	30	
Hoạt động 4.2.2.3				Hỗ trợ Nguyên vật liệu thực hiện các sáng kiến cộng đồng (xây dựng cơ bản).					

Mã số	Mục tiêu	Chỉ số	Quý thực hiện	Chỉ tiêu 6 tháng	Chỉ tiêu cả năm	Ngân sách năm tài chính 2017
Nhiệm vụ 1	Xã Luận Khê: Xây dựng đường bê tông từ Tà bản đi trường mầm non và đi Tiểu học 2. 3000\$ (dài 250 m)	Số sáng kiến được thực hiện	Q1	1	1	3,000
Nhiệm vụ 2	Xã Luận Thành: xây dựng đường trần tại thôn Cao Tiến 4000\$	Số sáng kiến được thực hiện	Q1	1	1	4,000
Nhiệm vụ 3	Xã Lương sơn: Xây nhà vệ sinh cho khu lẻ trường Mầm Non thôn: Lương Thiện, Trung Thành và Minh Quang, 4000\$	Số sáng kiến được thực hiện	Q2	1	1	4,000
Nhiệm vụ 4	Xã Xuân cao: Hỗ trợ sửa nhà có trẻ em, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (2230)	Số sáng kiến được thực hiện	Q2	1	1	2,230
Nhiệm vụ 5	Xã Xuân cãm: Làm cầu tại thôn Thanh Xuân	Số sáng kiến được thực hiện		1	1	3,000
Nhiệm vụ 6	Xã Thọ Thanh: Xây dựng đường bê tông vào khu lẻ thuộc 2 trường tiểu học và MN 900 \$ (100 m) nâng cấp sân chơi, nhà văn hóa thôn 1: 2000\$	Số sáng kiến được thực hiện	Q2	1	1	2,900
Hoạt động 4.2.2.4	Hỗ trợ các câu lạc bộ người khuyết tật					
Nhiệm vụ 1	Hỗ trợ các câu lạc bộ người khuyết tật hoạt động 12 lần/ năm.: 1\$/người* 25 người/ CLB + (VPP hậu cần: 35\$) /lần. Luận Thành và Luận Khê Tổng cộng: 24 lần x 60\$ = 1.440\$.	Số CLB được hỗ trợ	Q1 - Q4	2	2	1,440
Nhiệm vụ 2	Hỗ trợ các trang thiết bị (xe đạp..), sách vở, con giống, vật nuôi... hỗ trợ các gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ khuyết tật cải thiện điều kiện sống (thuộc CLB).	Số trẻ em được hỗ trợ	Q1-Q3	20	20	900

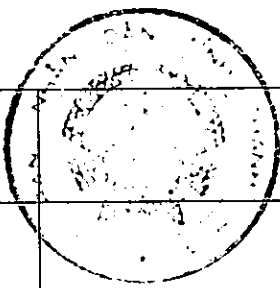
Mã số	Mục tiêu	Chỉ số	Quý thực hiện	Chỉ tiêu 6 tháng	Chỉ tiêu cả năm	Ngân sách năm tài chính 2017
Hoạt động 4.2.2.7	Tổ chức các sáng kiến cộng đồng cấp huyện: 2 trường cấp 3: Thường xuân 2 và Cẩm Bá Thước.					
Nhiệm vụ 1	Hội thi tài năng nữ sinh thanh lịch: tài năng, sức khỏe sinh sản vị thành niên, giới tính, tại trường THPT Cẩm Bá Thước. (Hậu cần, công tác luyện tập: 400\$ + VPP, tổ chức, giải thưởng: 300\$). Tổng cộng 700\$	Số trẻ em được hưởng lợi trực tiếp	Q1	30	30	700
Nhiệm vụ 2	Hội thi tài năng nữ sinh thanh lịch: tài năng, sức khỏe sinh sản vị thành niên, giới tính tại trường THPT Thường xuân 2. (Hậu cần, công tác luyện tập: 400\$ + VPP, tổ chức, giải thưởng: 300\$). Tổng cộng 700\$	Số trẻ em được hưởng lợi trực tiếp	Q1	30	30	700
Nhiệm vụ 3	Tổ chức giao lưu nói chuyện với học sinh về giới tính, tình yêu, kiến thức về sức khỏe các bệnh thường gặp tại trường THPT Cẩm Bá Thước. (Phí tư vấn: 10\$/ngày * 2 ngày = 20\$ VPP, chi phí tổ chức: 280\$. Tổng cộng = 300\$)	Số trẻ em được hưởng lợi trực tiếp	Q2	1200	1200	300
Nhiệm vụ 4	Tổ chức giao lưu nói chuyện với học sinh về giới tính, tình yêu, kiến thức về sức khỏe các bệnh thường gặp tại trường THPT Thường xuân 2. ((Phí tư vấn: 10\$/ngày * 2 ngày = 20\$ VPP, chi phí tổ chức: 280\$. Tổng cộng = 300\$)	Số trẻ em được hưởng lợi trực tiếp	Q2	875	875	300
Hoạt động 4.2.2.8	Hỗ trợ BQL xã- Thôn bản thực hiện các sáng kiến cộng đồng hướng tới an sinh cho trẻ em:					

Mã số	Mục tiêu	Chỉ số	Quý thực hiện	Chỉ tiêu 6 tháng	Chỉ tiêu cả năm	Ngân sách năm tài chính 2017
Nhiệm vụ 1	Tổ chức hội thi thể dục thể thao tại xã Thọ Thanh cho trẻ oap 2 trong dịp hè. (Chi phí tập luyện: 600\$, Chi phí VPP, giải thưởng và tổ chức: 600\$)	Số trẻ em tham gia hội thi	Q3	0	42	600
	Tổng cộng Đầu ra 4.2.2					24,070
	Tổng ngân sách cho kết quả 4.2					27,381
Tổng ngân sách cho hoạt động						50,000
Cho phí vận hành						22,120
Chi phí gián tiếp						10,800
Tổng ngân sách dự án NCNL						82,920
Dự án BẢO TRỢ - V181217						
Mục tiêu dự án	Trẻ được chăm sóc, được tham gia trong một gia đình và cộng đồng an toàn, tràn ngập tình yêu thương	% trẻ bị chết do đuối nước hoặc tai nạn	Q4	0.0%	0.0%	
		% hộ gia đình hoặc cha mẹ RC cho rằng con họ có thay đổi tích cực khi tham gia dự án bảo trợ	Q4	0.0%	0.0%	
Kết quả 5.1	Hình thành môi trường chăm sóc và bảo vệ trẻ trong gia đình và cộng đồng	% trẻ bảo trợ có hoàn cảnh ĐBKK được hỗ trợ bởi CTPTV	Q2,4	1.0%	3.0%	
		% thanh thiếu niên sử dụng thời gian hiệu quả nhờ sự hỗ trợ của gia đình và cộng đồng trong khuôn khổ và mong đợi phù hợp (DAP)		0.0%	0.0%	
Đầu ra 5.1.1	Cộng đồng có cơ chế ứng phó tại chỗ đối với các vấn đề về chăm sóc và bảo vệ trẻ em	số ban bảo vệ trẻ em dựa vào cộng đồng cấp huyện và xã được thành lập	Q4	0	2	

Mã số	Mục tiêu	Chỉ số	Quý thực hiện	Chỉ tiêu 6 tháng	Chỉ tiêu cả năm	Ngân sách năm tài chính 2017
Hoạt động 5.1.1.3	Tập huấn các kỹ năng cơ bản (Kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lắng nghe, kỹ năng quan sát...) cho các thành viên Ban BVTE (Ăn uống và đi lại: (35 phần* 6.5\$/ngày* 3 ngày) + (hậu cần, tư vấn địa phương, văn phòng phẩm: 180\$) / khóa. Tổng: 862,5 \$.	Số người tham gia tập huấn	Q2	35	35	862.0
Hoạt động 5.1.1.4	Hỗ trợ trẻ em tổ chức các hoạt động vui chơi cho trẻ tại thôn trong các dịp lễ/kỳ nghỉ (1/6, Tết Trung thu; nghỉ hè) Tết thiếu nhi 1/6: 54 thôn bản * 60\$* 1 lần = 3240\$	Số trẻ tham gia sự kiện	Q3	0	7500	3,240
Hoạt động 5.1.1.5	Hỗ trợ gia đình các trẻ em MVC cải thiện điều kiện kinh tế, giúp đỡ trẻ em trong định hướng và đào tạo nghề.	Số gia đình trẻ em MVC được hỗ trợ	Q1-4	120	240	11,760
Hoạt động 5.1.1.6	Tập huấn về kiến thức về an sinh trẻ em (QTE, sự tham gia của trẻ, CSBVTE, luật hôn nhân gia đình và các chủ đề xuyên suốt của TNTG cho trẻ em tại các thôn có điểm nóng về chủ đề này. + Hậu cần, tư vấn địa phương, máy chiếu và văn phòng phẩm: 60 \$ / khóa. Tổng 15 khóa x 60\$ = 900\$.	Số thôn thực hiện tập huấn	Q1-Q4	7	15	900
Hoạt động 5.1.1.7	Tổ chức các buổi hội thảo nói chuyện với phụ huynh về tình trạng trẻ bỏ học và định hướng nghề cho trẻ tại 6 xã. + Ăn uống và đi lại 40 phần x 4,1\$ = 164\$. + Tư vấn địa phương, hậu cần: 20 \$. Tổng: 184\$/ xã 6 xã = 1.104\$	Số phụ huynh tham gia	Q2,3	160	240	1,104

Mã số	Mục tiêu	Chỉ số	Quý thực hiện	Chỉ tiêu 6 tháng	Chỉ tiêu cả năm	Ngân sách năm tài chính 2017
Hoạt động 5.1.1.8	Tổ chức các buổi hội thảo/ tập huấn nói chuyện với bậc phụ huynh/ người chăm sóc trẻ về cách chăm sóc trẻ, cách bảo vệ trẻ phòng chống tai nạn thương tích...(ưu tiên lựa chọn những gia đình có bố mẹ đi làm ăn xa). Tại 6 xã + Ăn uống và đi lại 40 phần x 4,1\$ x 2 ngày = 328 \$. + Tư vấn địa phương, hậu cần: 120 \$. Tổng: 448\$/ xã x 6 xã = 2.688\$	Số phụ huynh/ người chăm sóc trẻ tham gia	Q1,3,4	80	240	2,688
Hoạt động 5.1.1.9	Tổ chức các đêm hội truyền thông/ hội thi tại các điểm nóng tại các thôn về các tệ nạn ma túy, HIV, tảo hôn, bạo lực gia đình. 15 thôn x 500\$ = 7.500\$	Số thôn tổ chức sự kiện	Q1-4	6	15	7,500
Hoạt động 5.1.1.10	Tổ chức diễn đàn trẻ em cấp xã, huyện, tỉnh					
Nhiệm vụ 1	Tổ chức diễn đàn tại xã: 500\$					500
Nhiệm vụ 2	Tập luyện cho trẻ em tham gia luyện ...					200
Nhiệm vụ 3	Đóng góp ngân sách cho Tỉnh thực hiện					500
Nhiệm vụ 4	Ngân sách tập huấn diễn đàn trẻ em cấp tỉnh					1,000
	Tổng cộng Đầu ra 5.1.1					30,254
Đầu ra 5.1.2	Xây dựng và quản lý kế hoạch giám sát an sinh của trẻ và công tác bảo trợ cho cộng đồng (CTV Bảo trợ).	số CTV bảo trợ có kiến thức cơ bản về bảo trợ và vai trò của họ	Q2,4	0	0	
		số Số thành viên của mạng lưới BVTE cấp thôn, xã có kiến thức cơ bản về giám sát ASTE	Q2,4	0	0	

Mã số	Mục tiêu	Chỉ số	Quý thực hiện	Chỉ tiêu 6 tháng	Chỉ tiêu cả năm	Ngân sách năm tài chính 2017
Hoạt động 5.1.2.1	Tập huấn kiến thức công tác bảo trợ cho CTV bảo trợ ở cấp huyện '-25 học viên * 7\$/ngày * 2 ngày = 350\$ - VPP, hậu cần: 180\$/khóa - Giảng viên: 15\$/ngày* 3 ngày = 45\$	Số CTV bảo trợ được tập huấn	Q2	25	25	575
Hoạt động 5.1.2.2	Tổ chức hội nghị đánh giá- tổng kết hàng năm cho CTV bảo trợ (Lồng ghép với giới thiệu/tập huấn lại chính sách BVTE): 513\$ '- 57 CTV * 6\$/ngày * 1 ngày = 342\$ - VPP, hậu cần: 171\$/khóa	Số cuộc họp thực hiện	Q4	0	1	513
Hoạt động 5.1.2.3	Hỗ trợ chi phí đi lại cho các CTV tham gia giám sát các hoạt động liên quan đến công tác BT 4 lần/ 4 quý * 57 người * 12\$ = 2736\$	Số CTV bảo trợ nhận hỗ trợ theo quý	Q1-4	57	57	2,736
Hoạt động 5.1.2.4	Tổ chức thăm trẻ định kỳ 4 lần/ năm và 1 CMS bổ sung như kế hoạch đã phê duyệt 5 CMS * 0.35\$/ trẻ * 3000 trẻ = 5250\$	Số trẻ đăng kí được thăm trong 90 ngày	Q1-4	3000	3000	5,250
Hoạt động 5.1.2.5	Hỗ trợ các trẻ bảo trợ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được phát hiện sau các đợt thăm trẻ 16 * 200\$ = 3200\$	Số trẻ được hỗ trợ sau CMS	Q1-4	8	16	3,200
	Tổng cộng Đầu ra 5.1.2					12,274
	Tổng cộng Kết quả 5.1					42,528
Kết 5.2	Tăng cường sự hiểu biết và niềm tin của cộng đồng về chương trình Bảo trợ	% người chăm sóc trẻ hài lòng với các hoạt động họ tham gia		0	0	



Mã số	Mục tiêu	Chỉ số	Quý thực hiện	Chỉ tiêu 6 tháng	Chỉ tiêu cả năm	Ngân sách năm tài chính 2017
		% trẻ bảo trợ tham gia hoặc được hưởng lợi ít nhất 2 hoạt động dự án trong vòng 12 tháng qua		0	0	
Đầu ra 5.2.1	Công tác quan hệ bảo trợ được đảm bảo đúng tiêu chuẩn quy định	% trẻ Bảo trợ được quản lý theo đúng tiêu chuẩn	Q2,4	0	0	
Hoạt động 5.2.1.1	Tổ chức cho trẻ BT làm Thiệp chúc mừng năm mới gửi NBT	Số thiệp chúc mừng năm mới được gửi nhà bảo trợ	Q1, Q4	3000	3000	
Nhiệm vụ 1	Tập huấn cho CTV cách làm thiệp chúc mừng 2018 (NYC2018) : 638\$ '- 23 trường học * 2CTV * 7\$/ngày * 1 ngày = 322\$ - 12 CTV xã * 7\$ * 1 ngày = 84\$ - VPP, hậu cần: 232\$/khóa	Số CTV tham gia tập huấn	Q4	0	58	638
Nhiệm vụ 2	Hỗ trợ VPP cho trẻ làm NYC 2018. 3000 trẻ * 0.263\$ VPP = 789\$ Sáp màu: 1000 hộp * 0.25\$ = 250\$ Bút chì : 3000 cái * 0.18\$ = 540\$	Số trẻ nhận hỗ trợ vpp làm NYC	Q4	0	3000	789
Nhiệm vụ 3	Hỗ trợ CTV làm NYC2017	Số CTV nhận hỗ trợ	Q1	0	30	450
Hoạt động 5.2.1.2	Tổ chức cho trẻ BT làm báo cáo tiến bộ hàng năm gửi NBT	Số APR được gửi tới NBT	Q4	0	3000	
Nhiệm vụ 1	Tiền công chụp ảnh APR cho trẻ 3000 trẻ * 0.4\$ * 1 lần = 1200\$	Số trẻ được chụp ảnh APR	Q3	0	3000	1,200
Nhiệm vụ 2	In ảnh APR . 3000 ảnh * 0.2\$ * 1 cái = 600\$	Số ảnh APR được in	Q4	0	3000	600
Nhiệm vụ 3	Tập huấn cho CTV cách làm APR : 638\$ '- 23 trường học * 2CTV * 7\$/ngày * 1 ngày = 322\$ - 12 CTV xã * 7\$ * 1 ngày = 84\$ - VPP, hậu cần: 232\$/khóa	Số CTV tham gia tập huấn	Q3	0	58	638

Mã số	Mục tiêu	Chỉ số	Quý thực hiện	Chỉ tiêu 6 tháng	Chỉ tiêu cả năm	Ngân sách năm tài chính 2017
Nhiệm vụ 4	Hỗ trợ VPP cho trẻ làm APR. 930\$ Sắp màu: 1000 hộp * 0.25\$ = 250\$ Bút chì : 3000 cái * 0.18\$ = 540\$ Băng dính 2 mặt để dán ảnh trẻ: 450 cuộn băng dính * 0.3\$ = 135\$	Số trẻ nhận hỗ trợ vpp làm APR	Q3	0	3000	930
Nhiệm vụ 5	Hỗ trợ CTV làm APR	Số CTV nhận hỗ trợ	Q1	0	30	600
Hoạt động 5.2.1.4	Tổ chức chuyến thăm của nhà bảo trợ	Số chuyến thăm được tổ chức	Q3	0	1	89
	Tổng cộng Đầu ra 5.2.1					5,934
Đầu ra 5.2.2	Kiến thức về BT của trẻ và cha mẹ trẻ được tăng cường	số trẻ (đại diện và không đại diện) nắm được kiến thức cơ bản về BT sau truyền thông tập huấn	Q2,4	400	800	
Hoạt động 5.2.2.1	Hoàn thành, in ấn và phát các tài liệu BT liên quan tới bảo trợ cho các bên liên quan (Bao gồm cả chi phí từ VPBT Quốc gia)					
Nhiệm vụ 1	Chi phí in ấn tài liệu 3000 trẻ * 0.1\$ * 4 lần = 1200\$	Số trẻ nhận tài liệu	Q1-4	3000	3000	1,200
Nhiệm vụ 2	Chi phí dịch thuật 3000 trẻ * 0.06\$ * 4 lần = 720\$	Số trẻ có tài liệu cần dịch thuật	Q1-4	3000	3000	720
Nhiệm vụ 3	chi phí cước gửi cho Bưu điện 3000 trẻ * 0.59\$ * 4 lần = 7080\$	Số trẻ có tài liệu được gửi	Q1-4	3000	3000	7,080
Nhiệm vụ 4	Thực hiện các sản phẩm Bảo trợ 2.0 3000 trẻ * 0.26\$ * 1 lần = 780\$	Số trẻ được thực hiện sản phẩm SP2.0	Q3-4	3000	3000	780

Mã số	Mục tiêu	Chỉ số	Quý thực hiện	Chỉ tiêu 6 tháng	Chỉ tiêu cả năm	Ngân sách năm tài chính 2017
Hoạt động 5.2.2.2	Tổ chức sự kiện truyền thông về BT cho trẻ và PH ở các xã Luận Thành, Lương Sơn: 2158 - Hợp định hướng công tác chuẩn bị (Lồng ghép giới thiệu/tập huấn lại chính sách BVTE): 232\$ Tiền ăn và đi lại :12 người * 5.5\$ * 2 cuộc = 132\$. VPP, hậu cần: 2 cuộc * 50\$ = 100\$ Thực hiện các sự kiện ở cộng đồng: <u>Luyện tập và chuẩn bị:</u> 1392\$ Tiền thuê thư vấn: 4 người * 12\$ * 6 ngày * 2 cuộc = 576\$ Tiền ăn trưa cho trẻ: 14 trẻ * 4\$ * 6 ngày* 2 cuộc = 672\$ VPP, hậu cần: 2 cuộc * 6 ngày * 12\$ = 144\$ <u>Hội thi cấp xã:</u> 536\$ Quà cho trẻ tham gia tập luyện: 14 trẻ * 12\$ * 2 cuộc= 336\$ VPP, hậu cần, công tác tổ chức: 2 cuộc* 100\$ = 200\$	Số trẻ được truyền thông về công tác bảo trợ	Q1,3	400	800	2,158
		Số PH được truyền thông về BT	Q1,3	100	200	
	Tổng cộng Đầu ra 5.2.2					11,938
Đầu ra 5.2.3	Tiêu chuẩn dữ liệu STEP được đảm bảo	số lần dữ liệu STEP được cập nhật theo định kỳ	Q2,4	1	2	
Hoạt động 5.2.3.1	Hỗ trợ các tình nguyện viên cập nhật thông tin đã được phân tích 200 trẻ * 3\$ *1 lần = 600\$	số RC được cập nhật dữ liệu thông tin trẻ đăng ký	Q4	0	200	600
Hoạt động 5.2.3.2	Kiểm tra và lưu trữ hồ sơ trẻ bảo trợ trong tủ tài liệu 300 trẻ * 0.05\$ * 1 lần = 150\$	Số hồ sơ trẻ đăng ký đã được kiểm tra và trữ.	Q1	1	3000	150
	Tổng cộng Đầu ra 5.2.3					750
	Tổng cộng Kết quả 5.2					18,622

Mã số	Mục tiêu	Chỉ số	Quý thực hiện	Chỉ tiêu 6 tháng	Chỉ tiêu cả năm	Ngân sách năm tài chính 2017
	Tổng ngân sách cho hoạt động					61,150
	Chi phí vận hành					21,965
	Chi phí gián tiếp					18,850
	Tổng ngân sách của dự án Bảo Trợ					101,965
	Tổng ngân sách chương trình năm 2017					479.920